

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-28

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 14 tháng 06 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Triển	Ủy viên
Ông Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên
Ông Võ Khánh Toàn	Ủy viên
Bà Quek Guet Ngho	Ủy viên
Ông Tan Boon Seng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Triển	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Văn Nghĩa

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 10 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên

Trần Quang Mẫu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0668-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		60.434.422.641	54.528.993.776
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.852.213.039	4.461.455.929
111	1. Tiền		3.852.213.039	3.461.455.929
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	119.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	119.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.378.563.763	16.717.866.422
131	1. Phải thu của khách hàng		15.720.737.715	14.875.612.065
132	2. Trả trước cho người bán		3.620.081.926	1.841.776.430
135	5. Các khoản phải thu khác	4	554.176.048	311.647.453
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(516.431.926)	(311.169.526)
140	IV. Hàng tồn kho	5	36.590.866.843	32.451.794.455
141	1. Hàng tồn kho		36.590.866.843	32.451.794.455
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		612.778.996	778.876.970
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		134.045.917	252.763.213
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	114.923.967	113.079.082
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	363.809.112	413.034.675
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.697.136.658	33.968.239.553
220	II. Tài sản cố định		35.219.377.860	33.354.916.852
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	14.505.998.590	12.531.441.500
222	- Nguyên giá		42.703.162.169	38.026.660.114
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.197.163.579)	(25.495.218.614)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	20.609.502.452	20.609.502.452
228	- Nguyên giá		20.609.502.452	20.609.502.452
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		103.876.818	213.972.900
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		14.246	14.246
258	3. Đầu tư dài hạn khác		14.246	14.246
260	V. Tài sản dài hạn khác		477.744.552	613.308.455
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	477.744.552	613.308.455
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		96.131.559.299	88.497.233.329

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		19.360.713.387	18.236.603.466
310	I. Nợ ngắn hạn		19.360.713.387	18.236.603.416
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	6.369.130.625	4.720.697.910
312	2. Phải trả người bán		3.855.503.443	4.121.157.222
313	3. Người mua trả tiền trước		202.786.326	161.699.635
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.493.009.725	3.395.644.612
315	5. Phải trả người lao động		2.704.590.609	2.210.600.484
316	6. Chi phí phải trả	13	755.670.230	583.664.427
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	3.907.357.579	2.872.863.276
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		72.664.850	170.275.850
330	II. Nợ dài hạn		-	50
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	50
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		76.770.845.912	70.260.629.863
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	76.770.845.912	70.260.629.863
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		34.545.000.000	34.545.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.172.167.816	27.172.167.816
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		636.278.914	636.278.914
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.524.000.000	2.274.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.893.399.182	5.633.183.133
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		96.131.559.299	88.497.233.329

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		219,28	12.316,13

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Người lập

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Giám đốc

Võ Khánh Toàn

Võ Khánh Toàn

Phạm Văn Nghĩa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	205.083.774.765	184.810.278.910
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	4.678.377.797	5.785.198.399
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	200.405.396.968	179.025.080.511
11	4. Giá vốn hàng bán	20	154.942.089.433	149.442.791.628
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.463.307.535	29.582.288.883
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	108.921.597	4.586.766.825
22	7. Chi phí tài chính	22	457.741.269	841.215.877
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		254.331.581	620.756.758
24	8. Chi phí bán hàng		13.505.689.726	12.207.673.652
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.258.878.484	9.727.458.984
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.349.919.653	11.392.707.195
31	11. Thu nhập khác		13.167.987	181.130.000
32	12. Chi phí khác		5.707.506	-
40	13. Lợi nhuận khác		7.460.481	181.130.000
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.357.380.134	11.573.837.195
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	4.688.164.085	2.508.904.062
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.669.216.049	9.064.933.133
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>13.669.216.049</u>	<u>9.064.933.133</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	3.957	2.624

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Người lập

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Giám đốc





Võ Khánh Toàn

Võ Khánh Toàn

Phạm Văn Nghĩa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		218.126.306.932	193.287.850.143
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(162.733.950.591)	(151.040.510.855)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(22.550.356.166)	(17.143.706.073)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(259.883.722)	(620.756.758)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.765.261.100)	(3.917.062.306)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.325.271.047	2.882.079.132
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.407.495.837)	(8.724.053.550)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.734.630.563	14.723.839.733
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.162.317.159)	(3.500.672.490)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	136.363.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(17.455.759.723)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		119.000.000	20.127.759.723
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(22.608.049.522)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		101.525.491	4.951.749.121
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.941.791.668)	(18.348.609.255)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		16.675.544.009	30.301.920.223
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(15.027.111.294)	(37.453.728.318)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.050.514.500)	(6.662.045.470)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.402.081.785)	(13.813.853.565)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(609.242.890)	(17.438.623.087)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		4.461.455.929	21.897.510.642
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	2.568.374
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.852.213.039</u>	<u>4.461.455.929</u>

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Người lập

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Giám đốc





Võ Khánh Toàn

Võ Khánh Toàn

Phạm Văn Nghĩa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
*Năm 2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 14 tháng 06 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 34.545.000.000 đồng; tương đương 3.454.500 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 369J An Dương Vương, P.10, Q.6, Tp Hồ Chí Minh	Kinh doanh pin các loại

Các công ty con của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Pin Hà Nội	Hà Nam	100,00%	100,00%	

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 2 năm tài chính.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.14 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

TO
C
CHI
T/G
A
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	70.214.847	79.975.748
Tiền gửi ngân hàng	3.781.998.192	3.381.480.181
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<u>3.852.213.039</u>	<u>4.461.455.929</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	125.612.169	26.741.852
Phải thu về bảo hiểm y tế	11.089.495	9.291.772
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	8.604.418	952.130
Phải thu về tiền gốc cho vay	-	48.924
Phải thu khác	408.869.966	274.612.775
	<u>554.176.048</u>	<u>311.647.453</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	124.439.920
Nguyên liệu, vật liệu	28.876.408.972	24.964.992.215
Công cụ, dụng cụ	52.444.893	46.603.251
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.830.470.830	1.807.718.797
Thành phẩm	2.932.011.691	1.524.358.726
Hàng hoá	2.814.359.754	3.865.196.556
Hàng gửi đi bán	85.170.703	118.484.990
	<u>36.590.866.843</u>	<u>32.451.794.455</u>

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	109.054.593	112.912.522
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	5.549.374	-
Thuế Tài nguyên	-	166.560
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	320.000	-
	<u>114.923.967</u>	<u>113.079.082</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	351.809.030	338.454.593
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	12.000.082	74.580.082
	<u>363.809.112</u>	<u>413.034.675</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2013	12.157.081.167	21.598.217.229	3.909.050.186	362.311.532	-	-	-	-	-	38.026.660.114	
Mua sắm	-	3.698.731.077	-	11.909.091	-	-	-	-	-	3.710.640.168	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.131.231.266	-	-	-	-	-	-	-	-	1.131.231.266	
Giảm khác (*)	-	(64.523.506)	-	(100.845.873)	-	-	-	-	-	(165.369.379)	
Tại ngày 31/12/2013	13.288.312.433	25.232.424.800	3.909.050.186	273.374.750	-	-	-	-	-	42.703.162.169	
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2013	11.247.791.062	11.937.549.660	2.053.827.214	256.050.678	-	-	-	-	-	25.495.218.614	
Trích khấu hao	243.208.779	2.157.869.594	375.143.397	39.733.728	-	-	-	-	-	2.815.955.498	
Giảm khác (*)	-	(59.438.476)	-	(54.572.057)	-	-	-	-	-	(114.010.533)	
Tại ngày 31/12/2013	11.490.999.841	14.035.980.778	2.428.970.611	241.212.349	-	-	-	-	-	28.197.163.579	
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2013	909.290.105	9.660.667.569	1.855.222.972	106.260.854	-	-	-	-	-	12.531.441.500	
Tại ngày 31/12/2013	1.797.312.592	11.196.444.022	1.480.079.575	32.162.401	-	-	-	-	-	14.505.998.590	

(*) Giám theo Thông tư 45/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

18.562.691.959 VND

19
HÀ NỘI
CÁN
HẠN
5

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất(*) VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2013	20.609.502.452	20.609.502.452
Tại ngày 31/12/2013	20.609.502.452	20.609.502.452
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	20.609.502.452	20.609.502.452
Tại ngày 31/12/2013	20.609.502.452	20.609.502.452

(*) Giá trị quyền sử dụng đất trong 50 năm của Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội tại Đường N3, Khu C, Khu Công nghiệp Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	383.088.356	125.360.968
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	94.656.196	487.947.487
	477.744.552	613.308.455

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn	6.369.130.625	4.720.697.910
Vay ngân hàng	4.778.515.625	2.007.256.980
Tiền ký quỹ, ký cược của các đại lý	825.000.000	229.525.930
Vay cá nhân	765.615.000	2.483.915.000
	6.369.130.625	4.720.697.910

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hai Bà Trưng ⁽¹⁾	4.778.515.625	2.007.256.980
	4.778.515.625	2.007.256.980

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-2013-00613 ngày 17/09/2013 với hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân. Thời hạn giải ngân đến ngày 17/09/2014, thời hạn cho vay được ghi cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	74.618.842	1.146.294.046
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	122.321.412
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.235.420.275	312.517.290
Thuế Thu nhập cá nhân	180.862.208	-
Thuế Tài nguyên	2.108.400	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.812.320.000
Các loại thuế khác	-	2.191.864
	<u>1.493.009.725</u>	<u>3.395.644.612</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại chưa chi trả	755.670.230	583.664.427
	<u>755.670.230</u>	<u>583.664.427</u>

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	132.455.431	76.978.867
Bảo hiểm xã hội	26.433.085	404.300
Bảo hiểm y tế	68.061.948	10.036.996
Bảo hiểm thất nghiệp	1.745.734	665.376
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.523.590.000	2.665.104.500
Phải trả lãi vay	55.473.748	95.761.923
Phải trả, phải nộp khác	94.597.633	18.911.314
	<u>3.907.357.579</u>	<u>2.872.863.276</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012														
Tại ngày 01/01/2012	34.545.000.000	27.172.167.816	32.656.386	636.278.914	1.974.000.000	6.518.693.837	70.878.796.953							
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	9.064.933.133	9.064.933.133							
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	300.000.000	(4.768.693.867)	(4.468.693.867)							
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(5.181.749.970)	(5.181.749.970)							
Hoàn nhập CLTG	-	-	(32.656.386)	-	-	-	(32.656.386)							
Tại ngày 31/12/2012	34.545.000.000	27.172.167.816	-	636.278.914	2.274.000.000	5.633.183.133	70.260.629.863							
Năm 2013														
Tại ngày 01/01/2013	34.545.000.000	27.172.167.816	-	636.278.914	2.274.000.000	5.633.183.133	70.260.629.863							
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	13.669.216.049	13.669.216.049							
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	250.000.000	(500.000.000)	(250.000.000)							
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(6.909.000.000)	(6.909.000.000)							
Tại ngày 31/12/2013	34.545.000.000	27.172.167.816	-	636.278.914	2.524.000.000	11.893.399.182	76.770.845.912							

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2013/NQ-DHCD ngày 16/05/2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	10.814.933.103
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,31%	250.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,31%	250.000.000
Chi trả cổ tức (đã tạm ứng năm trước)	47,91%	5.181.749.970
Lợi nhuận chưa phân phối	47,46%	5.133.183.133

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2013</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty GP Battery Marketing (Singapore) Pte.ltd	30,00%	10.363.500.000	30,00%	10.363.500.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	21,00%	7.254.450.000	21,00%	7.254.450.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	1.735.000.000	5,02%	1.735.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	43,98%	15.192.050.000	43,98%	15.192.050.000
	100%	34.545.000.000	100%	34.545.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.545.000.000	34.545.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	34.545.000.000	34.545.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	34.545.000.000	34.545.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.909.000.000	5.181.749.970
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	6.909.000.000	5.181.749.970

(*) Tạm ứng cổ tức năm 2013 bằng 20% vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2013/NQ-HĐQT/PHN ngày 04 tháng 12 năm 2013.

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.454.500	3.454.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.454.500	3.454.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.454.500	3.454.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.454.500	3.454.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.454.500	3.454.500
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	636.278.914	636.278.914
Quỹ dự phòng tài chính	2.524.000.000	2.274.000.000
	3.160.278.914	2.910.278.914

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	190.224.966.637	171.792.073.629
Doanh thu bán hàng hóa	2.952.816.785	3.720.429.124
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	8.211.383.347	4.687.238.537
Doanh thu khác	3.694.607.996	4.610.537.620
	205.083.774.765	184.810.278.910

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.668.935.943	3.975.473.564
Giảm giá hàng bán	964.582.602	1.719.388.288
Hàng bán bị trả lại	44.859.252	90.336.547
	4.678.377.797	5.785.198.399

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	185.546.588.840	166.006.875.230
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	2.952.816.785	3.720.429.124
Doanh thu thuần về bán vật tư, phế liệu	8.211.383.347	4.687.238.537
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	3.694.607.996	4.610.537.620
	200.405.396.968	179.025.080.511

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	144.355.110.670	141.867.538.989
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.821.291.320	2.343.454.676
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	7.767.481.607	4.336.090.477
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	998.205.836	895.707.486
	154.942.089.433	149.442.791.628

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	101.476.567	936.677.475
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	3.419.378.246
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	163.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.445.030	64.742.730
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	2.568.374
	108.921.597	4.586.766.825

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	254.331.581	620.756.758
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	203.409.688	220.459.119
	457.741.269	841.215.877

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	4.688.164.085	2.909.593.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(400.689.478)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.688.164.085	2.508.904.062
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	312.517.290	1.720.675.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.765.261.100)	(3.917.062.306)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.235.420.275	312.517.290

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	13.669.216.049	9.064.933.133
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.669.216.049	9.064.933.133
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.454.500	3.454.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.957	2.624

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.852.213.039	-	4.461.455.929	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.274.913.763	(516.431.926)	15.187.259.518	(311.169.526)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	119.000.000	-
Đầu tư dài hạn	14.246	-	14.246	-
	20.127.141.048	(516.431.926)	19.767.729.693	(311.169.526)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			6.369.130.625	4.720.697.960
Phải trả người bán, phải trả khác			7.762.861.022	6.994.020.498
Chi phí phải trả			755.670.230	583.664.427
			14.887.661.877	12.298.382.885

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.852.213.039	-	-	3.852.213.039
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.758.481.837	-	-	15.758.481.837
Đầu tư dài hạn	-	14.246	-	14.246
	19.610.694.876	14.246	-	19.610.709.122
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.461.455.929	-	-	4.461.455.929
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.876.089.992	-	-	14.876.089.992
Đầu tư ngắn hạn	119.000.000	-	-	119.000.000
Đầu tư dài hạn	-	14.246	-	14.246
	19.456.545.921	14.246	-	19.456.560.167

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	6.369.130.625	-	-	6.369.130.625
Phải trả người bán, phải trả khác	7.762.861.022	-	-	7.762.861.022
Chi phí phải trả	755.670.230	-	-	755.670.230
	14.887.661.877	-	-	14.887.661.877
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	4.720.697.910	50	-	4.720.697.960
Phải trả người bán, phải trả khác	6.994.020.498	-	-	6.994.020.498
Chi phí phải trả	583.664.427	-	-	583.664.427
	12.298.382.835	50	-	12.298.382.885

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.280.096.383	1.554.422.558

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán, nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Người lập



Võ Khánh Toàn

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán



Võ Khánh Toàn

Giám đốc



Phạm Văn Nghĩa